

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT, DỊCH VỤ, THƯƠNG MẠI HSH VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT, DỊCH VỤ,
THƯƠNG MẠI HSH VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HSHVINA MANUFACTURING, SERVICES,
TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY HSH VINA

2. Mã số doanh nghiệp: 0109759130

3. Ngày thành lập: 30/09/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Đội 6, Xã Ngọc Hồi, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0899718666

Fax: 0899718666

Email: hshvina@gmail.com

Website: hshvina.com

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng lúa	0111
2.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
3.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
4.	Trồng cây mía	0114
5.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
6.	Trồng cây lấy sợi	0116
7.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
8.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
9.	Trồng cây hàng năm khác	0119
10.	Trồng cây ăn quả	0121
11.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
12.	Trồng cây điều	0123
13.	Trồng cây hồ tiêu	0124
14.	Trồng cây cao su	0125
15.	Trồng cây cà phê	0126
16.	Trồng cây chè	0127
17.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
18.	Trồng cây lâu năm khác	0129
19.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
20.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
21.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
22.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
23.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144

24.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
25.	Chăn nuôi gia cầm	0146
26.	Chăn nuôi khác	0149
27.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
28.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
29.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
30.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
31.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
32.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
33.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
34.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
35.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
36.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
37.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
38.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
39.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
40.	Sản xuất đường	1072
41.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
42.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
43.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
44.	Sản xuất chè	1076
45.	Sản xuất cà phê	1077
46.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
47.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
48.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
49.	Sản xuất rượu vang	1102
50.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
51.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
52.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
53.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
54.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
55.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
56.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
57.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
58.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
59.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
60.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631

61.	Bán buôn thực phẩm	4632
62.	Bán buôn đồ uống	4633
63.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
64.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
65.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
66.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
67.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
68.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
69.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
70.	Bán buôn tổng hợp	4690
71.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
72.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (kinh doanh siêu thị, cửa hàng tiện lợi,)	4719(Chính)
73.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
74.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
75.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
76.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
77.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
78.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
79.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
80.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
81.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
82.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
83.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
84.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
85.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
86.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
87.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
88.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

89.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
90.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
91.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
92.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
93.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
94.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
95.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
96.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ đấu giá)	4799
97.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ đấu giá)	4791
98.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
99.	Cơ sở lưu trú khác	5590
100.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
101.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
102.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
103.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
104.	Cho thuê xe có động cơ	7710
105.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
106.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
107.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
108.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
109.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
110.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
111.	Đại lý du lịch	7911
112.	Điều hành tua du lịch	7912
113.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
114.	Hoạt động bảo vệ tư nhân	8010
115.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
116.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
117.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
118.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
119.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
120.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
121.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219

122.	Dịch vụ đóng gói	8292
123.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
124.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
125.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	9810
126.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	9820
127.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
128.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
129.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
130.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
131.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
132.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
133.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
134.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
135.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
136.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
137.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
138.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
139.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
140.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
141.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
142.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
143.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
144.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
145.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
146.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
147.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
148.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
149.	Xây dựng nhà để ở	4101
150.	Xây dựng nhà không để ở	4102
151.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
152.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
153.	Xây dựng công trình điện	4221
154.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222

155.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
156.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
157.	Xây dựng công trình thủy	4291
158.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
159.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
160.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
161.	Phá dỡ	4311
162.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
163.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
164.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
165.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
166.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
167.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: _____ Giới tính: _____
 Sinh ngày: _____ Dân tộc: _____ Quốc tịch: _____
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: _____
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: _____
 Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____
 Địa chỉ thường trú: _____
 Địa chỉ liên lạc: _____

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ SOÀN _____ Giới tính: *Nữ*
 Chức danh: *Giám đốc*
 Sinh ngày: *30/10/1982* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *034182002196*
 Ngày cấp: *04/07/2016* Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về cư dân*
 Địa chỉ thường trú: *P1101 CT1A2 - KĐTMT Tây Nam Hồ Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
 Địa chỉ liên lạc: *P1101 CT1A2 - KĐTMT Tây Nam Hồ Linh Đàm, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội